

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG CÁC LĨNH VỰC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG,
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TỈNH CAO BẰNG
(Ban hành kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (02 TTHC)

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	Lĩnh vực xuất nhập khẩu (01 TTHC)						
01	Thủ tục đăng ký kinh doanh tại khu (điểm) chợ biên giới (1.002939)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không có	- Thông tư số 17/2017/TT-BCT ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện quy định về khu (điểm) chợ biên giới tại Hiệp định thương mại biên giới giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa - Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.	
II	Lĩnh vực Công nghiệp địa phương (01 TTHC)						
01	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn	30 ngày làm việc kể từ	Trung tâm Phục vụ	Nộp hồ sơ, nhận	Không	- Nghị định 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012;	

	tiêu biểu cấp tỉnh (2.000331)	ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.		- Thông tư 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014; - Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.	
--	-------------------------------	----------------------------	---	--	--	--	--

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG¹ (88 TTHC)

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (82 TTHC)						
1	<i>Lĩnh vực giám định thương mại (02 TTHC)</i>						
01	<i>Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại (2.000110)</i>	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ	Không quy định.	- Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về kinh doanh dịch vụ giám định thương mại; - Nghị định số 125/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định về dịch vụ giám định thương mại tại Nghị định số	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thành phần hồ sơ; tên TTHC.

¹ Phần in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung.

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				công trực tuyến toàn trình.		120/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2006; - Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thủ tục đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại; - Thông tư số 38/2025/TT- BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</i>	Đổi tên lĩnh vực từ “Đăng ký giám định thương mại” thành “Giám định thương mại”
02	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại (1.005190)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ	Không quy định.	- Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2006 của Chính phủ; - Nghị định số 125/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT- BCT ngày	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thành phần hồ sơ.

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				công trực tuyến toàn trình.		19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	
2	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước (14 TTHC)						
01	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (2.000190)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 106/2017/NĐ- CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 67/2013/NĐ- CP; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuốc lĩnh vực quản lý Nhà nước của	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày làm việc còn 10 ngày làm việc. - Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thành phần hồ sơ.

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Bộ Công Thương; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ.</i>	
02	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (2.000167)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ; + Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày làm việc còn 10 ngày làm việc - Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Thương; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ Công Thương; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ.</i>	pháp lý; Thành phần hồ sơ.
03	Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá (1.001338)	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ. - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ.</i>	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 làm việc ngày còn 12 ngày làm việc. - Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thành phần hồ sơ.
04	Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ	Nộp phí theo quy định của pháp luật về	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định. - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ.	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	(2.000598)	đầy đủ và hợp lệ	hành chính công cấp xã.	bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ.</i>	15 làm việc ngày còn 12 ngày làm việc. - Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thành phần hồ sơ.
05	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (2.001624)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia. - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 làm việc ngày còn 10 ngày làm việc. - Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thành

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							phần hồ sơ.
06	Cấp giấy phép phân phối rượu (1.003977)	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ.</i>	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 làm việc ngày còn 12 ngày làm việc. - Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thành phần hồ sơ.
07	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (2.000673)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; - Nghị định số 95/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 30 ngày làm việc còn 20 ngày làm

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				công trực tuyến toàn trình.		xăng dầu; - Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Chính; - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu; - Thông tư số 18/2025/TT-BCT ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định tại các Thông tư quy định về kinh doanh xăng dầu. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	việc. - Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thành phần hồ sơ.
08	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ	Nộp phí theo quy định của pháp luật về	- Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ; - Nghị định số 95/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ;	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	lẻ xăng dầu (2.000648)	đầy đủ và hợp lệ	hành chính công cấp xã.	bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 17/2021/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 18/2025/TT-BCT ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	20 ngày làm việc còn 15 ngày làm việc. - Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thành phần hồ sơ.
09	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá (2.000637)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
10	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) (2.001646)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia. - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; - Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.
11	Cấp giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên) (1.004021)	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày làm việc xuống còn 12 ngày.
12	Cấp Giấy	10 ngày làm	Trung tâm Phục vụ hành chính	Nộp hồ sơ, nhận	Theo quy	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc	- Sửa đổi,

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	phép mua bán nguyên liệu thuốc lá (2.000626)	việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương về quy định chi tiết một số điều của các nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15</i>	bổ sung: Căn cứ pháp lý.

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<i>tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	
13	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) (2.001630)	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia. - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.
14	Cấp lại giấy phép sản xuất	Trong thời hạn 12 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính	Nộp hồ sơ, nhận kết quả:	Theo quy định của	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về	- Sửa đổi, bổ sung:

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	rượu công nghiệp có quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên (1.003992)	làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Đối với Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp. Đối với Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng:	công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	kinh doanh rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	Căn cứ pháp lý. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 07 ngày làm việc xuống còn 06 ngày làm việc
3	Lĩnh vực kinh doanh khí (13 TTHC)						
01	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp;	Nộp phí theo quy định của	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày	- Cắt giảm thời gian giải

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	thương nhân kinh doanh mua bán CNG (2.000354)	được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	05/02/2020 của Chính phủ. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	quyết từ 15 làm việc ngày còn 10 ngày làm việc - Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thành phần hồ sơ.
02	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG (2.000142)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ.</i>	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày làm việc còn 10 ngày làm việc. - Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý;

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							Thành phần hồ sơ.
03	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG (2.000166)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ.</i>	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày làm việc còn 10 ngày làm việc. - Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thành phần hồ sơ.
04	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích;	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ.</i>	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày làm việc còn 12

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	(1.001424)			- Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.			ngày làm việc. - Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thành phần hồ sơ.
05	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG (1.000706)	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ.</i>	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày làm việc còn 12 ngày làm việc. - Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thành phần hồ sơ.

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
06	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG (1.005184)	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	Nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày làm việc còn 12 ngày làm việc. - Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thành phần hồ sơ.
07	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini (2.000304)	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý. - Cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						- Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	làm việc còn 12 ngày làm việc.
08	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện tải (2.000387)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.
09	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG (1.000475)	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 38/2025/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý Cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày làm việc còn 12 ngày làm việc.

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						- Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.	
10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn (2.000194)	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP của Chính phủ: Về kinh doanh khí - Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.
11	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải (2.000163)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ: Về kinh doanh khí; - Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.
12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai (2.000073)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích;	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				- Dịch vụ công trực tuyến một phần.			
13	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải (2.000196)	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.
4	Lĩnh vực điện (08 TTHC)						
01	Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.013411)	12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	- Thông tư số 106/2020/ TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 64/2025/T T-BTC ngày 30	- Luật Điện lực ngày 30/11/2024; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ;</i> - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 14 ngày xuống 12 ngày.

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, thay thế.		
02	Cấp Giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh (1.013412)	12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	- Thông tư số 106/2020/ TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 64/2025/T T-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa	- Luật Điện lực ngày 30/11/2024; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ;</i> - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 14 ngày xuống 12 ngày.

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					đổi, thay thế.		
03	Cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.013416)	12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	- Thông tư số 106/2020/ TT-BCT ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 64/2025/T T-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, thay thế.	- Luật Điện lực ngày 30/11/2024; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ</i> ; - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 14 ngày xuống 12 ngày.
04	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm	08 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm phục vụ	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Điện lực ngày 30/11/2024; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ</i> ; - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý,

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng) (1.013417)		hành chính công cấp xã.	bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.		04/3/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	thành phần hồ sơ. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 10 ngày xuống 08 ngày.
05	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.013418)	08 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Điện lực ngày 30/11/2024; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ</i> ; - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 10 ngày xuống 08 ngày.
06	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy	08 ngày kể từ ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính	Nộp hồ sơ, nhận kết quả:	Theo quy định của	- Luật Điện lực ngày 30/11/2024; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15</i>	- Sửa đổi, bổ sung:

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.013419)	nhận đủ hồ sơ hợp lệ	công tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Bộ Tài chính	<i>tháng 11 năm 2025 của Chính phủ;</i> - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	Căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 10 ngày xuống 08 ngày.
07	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng. (1.013420)	08 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Điện lực ngày 30/11/2024; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ;</i> - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 10 ngày xuống 08 ngày.
08	Cấp giấy phép hoạt động	12 ngày kể từ ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính	Nộp hồ sơ, nhận kết quả:	Theo quy định của	- Luật Điện lực ngày 30/11/2024; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15</i>	- Sửa đổi, bổ

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.013401)	nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ	công tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Bộ Tài chính	<i>tháng 11 năm 2025 của Chính phủ;</i> - Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.	sung: Căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 14 ngày xuống 12 ngày.
5	Lĩnh vực điện lực (01 TTHC)						
01	Phê duyệt danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp (1.013394)	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không quy định	- Luật Điện lực số 61/2024/QH15; - Nghị định số 56/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định về quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện, đầu tư xây dựng dự án điện lực và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án kinh doanh điện lực. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý, thành phần hồ sơ.
6	Lĩnh vực thương mại quốc tế (15 TTHC)						
01	Điều chỉnh Giấy phép	05 ngày làm	Trung tâm Phục vụ hành chính	Nộp hồ sơ, nhận	Không có	- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 quy định chi tiết	- Sửa đổi, bổ sung:

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (2.000129)	việc	công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.		Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Thông tư số 03/2024/TT-BCT ngày 30 tháng 01 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài. - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy	Căn cứ pháp lý.

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	
02	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (1.000376)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không có	- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ Công Thương. - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.
03	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài	07 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công	Không có	- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Bộ Công Thương. - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý. - Sửa đổi phí, lệ phí thực hiện

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	tại Việt Nam (2.000063)			trực tuyến một phần.		Thương. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	TTHC.
04	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ- CP (2.000351)	22 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 28 ngày làm việc xuống 22 ngày làm việc.
05	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một	Không	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	phối bán lẻ hàng hóa (2.000255)			phần.		kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	
06	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (2.000330)	22 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 28 làm việc ngày xuống 22 ngày làm việc.
07	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế	22 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp;	Không	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí (2.000362)		hành chính công cấp xã.	- Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.		tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	pháp lý. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 28 ngày làm việc xuống 22 ngày làm việc.
08	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (2.000340)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						- Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	
09	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn (2.000370)	22 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 28 ngày làm việc xuống 22 ngày làm việc.
10	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều	16 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công	Không	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	20 Nghị định số 09/2018/NĐ- CP (2.000272)			trực tuyến một phần.		lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	20 ngày làm việc xuống 16 ngày làm việc.
11	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) (2.000361)	16 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 20 ngày làm việc xuống 16 ngày làm việc.
12	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ	28 ngày làm việc và 20 ngày kể từ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung	Nộp hồ sơ, nhận kết quả:	Không	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) (1.000774)	ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.		- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	pháp lý. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 28 ngày làm việc và 30 ngày xuống còn 28 ngày làm việc và 20 ngày.
13	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (1.001441)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						12/6/2025 của Chính phủ; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	
14	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động (2.000662)	55 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không có	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.
15	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một	Không có	- Nghị định 07/2016/NĐ-CP Quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam - Thông tư 11/2016/TT-BCT Quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý. - Sửa đổi phí, lệ phí thực hiện TTHC.

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	(2.000347)			phần.		Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	
7	Lĩnh vực xuất nhập khẩu (07 TTHC)						
01	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác (1.000957)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương. - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
02	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu (1.001238)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.
03	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất (1.001062)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	
04	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập (1.000905)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15</i>	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<i>tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	
05	Thủ tục Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu (1.000890)	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.
06	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng	17 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công	Theo quy định của Bộ Tài chính.	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ;	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	trực tiếp đến quốc phòng, an ninh (nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh) (1.003438)		cấp xã.	ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.		- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	
07	Thủ tục cấp phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế (1.001419)	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 100/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.
8	Lĩnh vực thương mại điện tử (02 TTHC)						
1	Sửa đổi, bổ sung thông tin đăng ký hoạt động	7 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp;	Không	- Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ; - Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử (1.000799)		hành chính công cấp xã.	- Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.		tháng 9 năm 2021 của Chính phủ; - Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2014/TT-BCT ngày 05/12/2014 của Bộ Công Thương; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	pháp lý.
2	Đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử (1.000880)	15 ngày làm việc	- Cổng thông tin quản lý hoạt động thương mại điện tử; - Cổng dịch vụ công quốc gia.	Trực tuyến	Không	- Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày ngày 16 tháng 05 năm 2013 của Chính phủ; - Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.
9	Lĩnh vực hóa chất (05 TTHC)						
01	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp;	Theo quy định của pháp luật	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	khẩu hóa chất Bảng 1 (2.000431)		tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	về phí, lệ phí hiện hành.	tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</i>	pháp lý.
02	Cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 (2.000257)	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.
03	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất,	+ 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý. - Cắt

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (2.001547)	đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính. + 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính	cấp xã.	ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	hành.	tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	giảm thời hạn giải quyết từ 12 ngày làm việc xuống còn 09 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa bàn tỉnh Cao Bằng; - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							làm việc xuống còn 12 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt ngoài địa bản tỉnh Cao Bằng.
04	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong	+ 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP của Chính phủ;	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	lĩnh vực công nghiệp (1.002758)	xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính. + 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính		phần.		- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	12 ngày làm việc xuống còn 09 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa bàn tỉnh Cao Bằng; - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày làm việc xuống còn 12

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt ngoài địa bàn tỉnh Cao Bằng.
05	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	+ 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; - Nghị định số 82/2022/NĐ-CP của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 12 ngày làm việc xuống

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	(1.011506)	chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính. + 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính				- Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	còn 09 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa bàn tỉnh Cao Bằng; - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày làm việc xuống còn 12 ngày làm việc đối với

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt ngoài địa bản tỉnh Cao Bằng.
10	Lĩnh vực an toàn thực phẩm (07 TTHC)						
01	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực	a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ. Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Luật An toàn thực phẩm. - Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm. - Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý. - Cắt giảm thời hạn giải quyết trong trường hợp chuỗi cơ sở

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện (2.000535)	do bị mất hoặc bị hỏng; Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh; Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do thay đổi chủ cơ sở nhưng				thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số 58/2014/TT-BCT ngày 22 tháng 12 năm 2014 Quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương. - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	kinh doanh thực phẩm có tăng về cơ sở kinh doanh; do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực từ 25 ngày làm việc xuống

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh; Trường hợp chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có giám về cơ sở kinh doanh b) Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình					còn 15 ngày làm việc.

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		sản xuất, mặt hàng kinh doanh hoặc khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực Trong thời gian 15 ngày làm việc (không tính thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ).					
02	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (2.000591)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Luật An toàn thực phẩm; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; - Thông tư 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý. - Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 25 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							việc.
03	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm do Bộ Công Thương thực hiện (2.000117)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành..	- Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.
04	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản	30 ngày làm việc (chưa bao gồm thời gian đánh giá cơ sở kiểm nghiệm).	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích;	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Thông tư 27/2016/TT-BCT ngày 5 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương; - Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Bộ Công Thương;	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	lý nhà nước (2.001660)			- Dịch vụ công trực tuyến một phần.		- Thông tư 40/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương; - Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ; - Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; - Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	
05	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm (1.003860)	45 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Thông tư 27/2016/TT-BCT ngày 5 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương; - Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Bộ Công Thương; - Thông tư 40/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương; - Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định 127/2007/NĐ-CP ngày 01	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						tháng 8 năm 2007 của Chính phủ; - Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; - Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	
06	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (2.001682)	45 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 5 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương; - Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 40/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Công Thương; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Thương; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	
07	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm (2.000115)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Luật An toàn thực phẩm; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.
11	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng (03 TTHC)						
01	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động	08 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ	Không có	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	giám định (1.000878)		hành chính công cấp xã.	bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.		định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày làm việc còn 08 ngày làm việc.
02	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	08 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công	Không có	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý. - Cắt

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	(1.001292)	hợp lệ.	cấp xã.	ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.		01 tháng 7 năm 2016 của Chính; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; - Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày làm việc còn 08 ngày làm việc.
03	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (1.001271)	08 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không có	- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2025/TT- BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý. - Cắt giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày làm việc còn 08 ngày làm việc.

[illegible]

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
01	Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá (1.000981)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương; - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.
14	Lĩnh vực Quản lý bán hàng đa cấp (03 TTHC)						
01	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ công trực tuyến	Không có	- Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	tại địa phương (2.000309)	đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp	tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	toàn trình; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.		= Nghị định 03/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 2 năm 2023. - Nghị định 18/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2023, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu.</i>	pháp lý.
02	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp (2.001573)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không có	- Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp. - Nghị định số 18/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.

[illegible]

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước (05 TTHC)						
01	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu (2.000620)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thành phần hồ sơ.
02	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (2.000181)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thành phần hồ sơ. Đổi tên lĩnh vực từ “Công nghiệp tiêu dùng”

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						15/01/2018 của Chính phủ sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương. - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	thành “Lưu thông hàng hóa trong nước”
03	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (2.000150)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Qua dịch vụ công trực tuyến một phần.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ. - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương. - Nghị định 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý; Thành phần hồ sơ. Đổi tên lĩnh vực từ “Công nhiệp tiêu dùng”

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						- Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.	thành “Lưu thông hàng hóa trong nước”
04	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (2.000633)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ. - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương - Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.
05	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (1.001279)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ. - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ - Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hông					
II	Lĩnh vực công nghiệp địa phương (01 TTHC)						
01	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã (2.002096)	Theo Kế hoạch tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo từng kỳ bình chọn.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.	Nộp hồ sơ, nhận kết quả: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến một phần.	Không thu phí.	- Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công; - Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; - Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về	- Sửa đổi, bổ sung: Căn cứ pháp lý.

TT	Tên TTHC (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; - Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương. - <i>Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ.</i>	

- Tổng số danh mục TTHC công bố: 90 TTHC
- Trong đó:
 - + Số TTHC mới: 02
 - + Số TTHC sửa đổi, bổ sung: 88
- Qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình: 19 TTHC
- Qua dịch vụ công trực tuyến một phần: 71 TTHC